

Số: 824 /TB-TMH

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá phục vụ cho kế hoạch mua thuốc cung cấp cho
Nhà thuốc bệnh viện - lần 4 năm 2025

Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương có kế hoạch xét chọn danh mục thuốc phục vụ cho hoạt động của nhà thuốc của Bệnh viện.

Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương kính mời các đơn vị quan tâm và có đủ khả năng cung cấp thuốc theo danh mục tại **Phụ lục 1** gửi hồ sơ theo hướng dẫn tại **Phụ lục 2** về Bệnh viện Tai Mũi Họng TW.

Cụ thể như sau:

1. Cách thức tiếp nhận: Quý đơn vị gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương (Phòng Văn thư – Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương- 78 đường Giải Phóng, phường Kim Liên, TP. Hà Nội).

Đề nghị gửi 01 bản qua địa chỉ Email: kduoc.tmhtw@gmail.com dưới dạng file.pdf biểu mẫu BM06 (Danh mục báo giá) và 01 file dạng excel BM10 (Bảng tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ - Nhà thầu tự đánh giá).

2. Thời gian nhận hồ sơ: các ngày làm việc từ ngày 31/12/2025 đến trước 16 giờ 30 ngày 11/01/2026.

3. Thời hạn có hiệu lực của hồ sơ: tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký.

4. Kết quả lựa chọn sẽ được thông báo công khai trên website của Bệnh viện.

Mọi thắc mắc, vui lòng liên hệ DS. Dương Ngọc Hà (ĐT. 0984146116) DS. Bùi Thị Hồng Gấm (ĐT 0375370166).

Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung ương rất mong nhận được sự tham gia, hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- muasamcong.mpi.gov.vn;
- Website BV TMHTW;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Phạm Tuấn Cảnh

Phụ lục 1. DANH MỤC THUỐC MỜI BẢO GIÁ XÉT CHỌN CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN -LẦN 4-2025

Kèm theo thông báo số **824** /TB-TMH ngày **30** tháng **12** năm **2025**

TT	Mã thuốc	Thành phần	Hàm lượng	Dạng Bc	Nhóm TCKT	Đơn vị	Số lượng dự kiến
1	XCGE1	Acid tranexamic	500mg	Viên	4	Viên	200.000
2	XCGE2	Acid tranexamic	250mg	Viên	4	Viên	25.000
3	XCGE3	Alanine 21mg, Serine 35mg, Glycine 21mg, Threonine 28mg, Phenylalanine 35mg, Glutamine 140mg, Leucine 60,2mg, Valine 42mg, Lysine hydrochloride 54,95mg, Aspartic acid 43,4mg, Tyrosine 37,45mg, Isoleucine 35mg, Cystein hydrochloride 7mg, Histidine hydrochloride 28mg, Proline 112mg	21mg, 35mg, 21mg, 28mg, 35mg, 140mg, 60,2mg, 42mg, 54,95mg, 43,4mg, 37,45mg, 35mg, 7mg, 28mg, 112mg	Viên nén	1	Viên	200.000
4	XCGE4	Alpha chymotrypsin	4200 IU (21 microkatal)	Viên	2	Viên	150.000
5	XCGE5	Alpha chymotrypsin	8400 IU	Viên	4	Viên	150.000
6	XCGE6	Ambroxol Hydrochloride	30mg/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/Nhũ dịch uống	4	Chai 90ml	25.000
7	XCGE7	Ambroxol HCL + Clenbuterol HCl	(7,5mg + 0,005mg)/5ml, 60ml	Dung dịch/Nhũ dịch/hỗn dịch uống	4	Chai/lọ 60ml	15.000
8	XCGE8	Ambroxol HCL + Clenbuterol HCl	(7,5mg + 0,005mg)/5ml, 10ml	Dung dịch/Nhũ dịch/hỗn dịch uống	4	Ống/túi/gói 10ml	120.000
9	XCGE9	Amoxicillin + Acid clavulanic	600mg/5ml + 42,9mg/5ml	Bột/cốm pha uống	1	Chai 100ml	25.000
10	XCGE10	Amoxicillin + Acid clavulanic	600mg/5ml + 42,9mg/5ml	Bột/cốm pha uống	1	Chai 50ml	25.000
11	XCGE11	Amoxicillin + Acid clavulanic	(400mg + 57mg)/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ bột pha dung dịch, hỗn dịch uống	1	Chai 100ml	25.000
12	XCGE12	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/5 ml	Dung dịch/ Nhũ dịch/ Hỗn dịch uống	1	Ống/túi/gói 5ml	20.000
13	XCGE13	Beclometasone dipropionat	0,05mg/liều, chai 200 liều	Thuốc xịt mũi	1	Chai/Lọ/Bình	15.000
14	XCGE14	Benzydamine hydrochloride + Cetylpyridinium chloride	3mg + 1,33 mg	Viên ngậm	2	viên	50.000
15	XCGE15	Betahistine dihydrochloride	24mg	Viên	1	Viên	250.000
16	XCGE16	Cefdinir	250mg/5ml, chai 50ml	Bột/cốm pha uống	4	Chai/Lọ 50ml	5.000
17	XCGE17	Cefditoren	400mg	Viên	4	Viên	120.000
18	XCGE18	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil) 50mg	50mg	Bột/cốm pha uống	1	Gói	35.000
19	XCGE19	Cefixime	400mg	Viên	1	Viên	10.000
20	XCGE20	Cefixime	100mg/5ml/ Lọ 60ml	Cốm, bột pha uống	3	Chai/Lọ 60ml	9.000
21	XCGE21	Cefprozil	500mg	Viên	1	Viên	35.000

Handwritten signature

TT	Mã thuốc	Thành phần	Hàm lượng	Dạng Bc	Nhóm TCKT	Đơn vị	Số lượng dự kiến
22	XCGE22	Cefprozil 125mg	125mg	Cốm/bột pha uống	2	Gói/Túi	9.000
23	XCGE23	Chlorhexidin digluconat	0,2% (0,5g/ 250ml)	Dung dịch súc miệng	4	Chai/Lọ/Bình 250ml	100.000
24	XCGE24	Cholin alfoscerat	600mg/7ml	Dung dịch/ Nhũ dịch/ Hỗn dịch uống	4	Ống/túi/gói 7ml	30.000
25	XCGE25	Clarithromycin	500mg	Viên nén phóng thích kéo dài	3	Viên	50.000
26	XCGE26	Desloratadine	0,5mg/ml, chai 150ml	Dung dịch/hỗn dịch/Nhũ dịch uống	1	Chai/ Lọ 150ml	10.000
27	XCGE27	Dexlansoprazol	30mg	Viên bao tan trong ruột	2	Viên	35.000
28	XCGE28	Dexlansoprazol	60mg	Viên bao tan trong ruột	2	Viên	35.000
29	XCGE29	Dexlansoprazol	30mg	Viên bao tan trong ruột	4	Viên	35.000
30	XCGE30	Dexlansoprazol	60mg	Viên bao tan trong ruột	4	Viên	35.000
31	XCGE31	Dexlansoprazol	60mg	Viên bao tan trong ruột	5	Viên	35.000
32	XCGE32	Erdosteine	175mg/5ml Chai 60ml	Bột/cốm pha uống	5	chai /lọ 60ml	30.000
33	XCGE33	Ethamsylat	500mg	Viên	4	Viên	200.000
34	XCGE34	Flunarizine	5mg	Viên	2	Viên	50.000
35	XCGE35	Kali Chlorid	600mg	Viên	1	Viên	60.000
36	XCGE36	Levodropropizin	60mg	Viên	4	Viên	45.000
37	XCGE37	L-Ornithin - L-aspartat	3g	Bột/cốm pha uống	2	Gói	30.000
38	XCGE38	Magnesi lactat dihydrat + Vitamin B6	470mg + 5mg	Viên	2	Viên	75.000
39	XCGE39	Metronidazol	250 mg	Viên	2	Viên	25.000
40	XCGE40	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri 4,2mg)	4mg	Viên	1	Viên	13.000
41	XCGE41	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin HCl)	400mg	Viên	1	Viên	90.000
42	XCGE42	Ofloxacin	0,3% x 5ml	Dung dịch nhỏ tai	2	Lọ/ống/túi/tép 5ml	30.000
43	XCGE43	Omeprazol + Natribicarbonat	40mg + 1680mg	Bột/cốm pha uống	4	Gói/túi	75.000
44	XCGE44	Omeprazol + Natribicarbonat	40mg + 1100mg	Viên	4	Viên	75.000
45	XCGE45	Paracetamol	250mg	Bột/cốm pha uống	1	Gói	10.000
46	XCGE46	Paracetamol	500mg	Viên sủi bọt	1	Viên sủi bọt	30.000
47	XCGE47	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	325mg + 37,5mg	Viên	1	Viên	15.000
48	XCGE48	Piracetam	1200mg	Bột/cốm pha uống	1	Gói	35.000

TT	Mã thuốc	Thành phần	Hàm lượng	Dạng Bc	Nhóm TCKT	Đơn vị	Số lượng dự kiến
49	XCGE49	Povidon iod	10% kl/tt	Dung dịch dùng ngoài	1	Chai/lọ 125ml	15.000
50	XCGE50	Povidone Iodine	1% (w/v)	Dung dịch súc miệng	1	Chai/lọ 125ml	15.000
51	XCGE51	Rutin + Vitamin B12 + Thiamin nitrat + Sắt fumarat + Vitamin E + Bột rễ ginseng + Vitamin C + Kali sulfat + Đồng gluconat + Mangan sulfat monohydrat + Vitamin B2 + Calci pantothenat + Nicotinamid + Pyridoxin hydroclorid + Calci carbonat + Kẽm sulphat monohydrat + Vitamin A + Cholecalciferol	20mg + 6mcg + 2mg + 54,76mg + 30,2mg + 40mg + 60mg + 17,83mg + 14,29mg + 3,08mg + 2mg + 13,75mg + 20mg + 2mg + 225mg + 10,98mg + 2,775mg + 10mcg	Viên nang	1	Viên	150.000
52	XCGE52	Saccharomyces boulardii	10 ⁹ CFU	Bột/cốm pha uống	4	Gói	25.000
53	XCGE53	Thiamin mononitrat; Nicotinamid; Pyridoxin hydroclorid; Riboflavin	4,85mg; 20mg; 2mg; 2mg	Bột/cốm pha uống	4	Gói	65.000
54	XCBDG1	Ciprofloxacin	500mg	Viên	BDG	Viên	17.000
55	XCBDG2	Ginkgo Biloba	120mg	Viên	BDG	Viên	250.000
56	XCBDG3	Ginkgo Biloba	40mg	Viên	BDG	Viên	50.000
57	XCBDG4	Mometasone furoate	50mcg/nhát xịt	Bình xịt định liều/ Bình 60 liều	BDG	Hộp/lọ/Bình	20.000

Tổng: 57 khoản

Handwritten signature

Phụ lục 2: Yêu cầu hồ sơ kèm theo báo giá thuốc
Kèm theo Thông báo số 824/TB-TMH ngày 30 tháng 12 năm 2025

TT	Tên tài liệu	Ghi chú
1	Danh mục thuốc báo giá dự kiến cung cấp cho NTBV (theo mẫu)	(BM.06)
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Bản công chứng
3	GDP còn hiệu lực hoặc phiếu tiếp nhận đã nộp hồ sơ đăng ký cấp lại	Bản công chứng
4	Đăng ký kinh doanh	Bản công chứng
5	Quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu qua đấu thầu rộng rãi/ hoặc Thông báo kết quả trúng thầu hoặc Hợp đồng ký theo kết quả trúng thầu rộng rãi.	Bản có dấu của công ty
6	Bảng tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ của thuốc – Nhà thầu tự đánh giá	Bản có dấu của công ty + File excel (BM 10)
7	Cam kết của đơn vị (theo mẫu)	(BM.11)
8	Các tài liệu khác (nếu có)	

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA THUỐC
(Nhà thầu tự đánh giá)

Theo nội dung thông báo số /TB-TMH ngày tháng năm 20....

Hà Nội, ngày tháng năm

Tên đơn vị:.....
MST:.....
Đ/chí:
ĐT:.....

Số TT	Mã thuốc mới chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nước sản xuất	Nhóm TCKT	SGPLH hoặc GPNK	Thông tin kết quả thầu tham chiếu (gửi kèm)				Đơn giá đề nghị cung cấp	Giá trúng thầu tại BV (nếu có)	Đãi giá trúng thầu công bố trên mua sắm công	Thông tin thuốc báo giá phù hợp với thông tin thuốc tại kết quả thầu tham chiếu	Kết luận (đạt/không đạt)
												Số QĐ/HĐ	Đơn vị trúng thầu	Hạn hiệu lực (đến ngày.../.../...)	Đơn giá trúng thầu					

Giám đốc hoặc Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH MỤC THUỐC KÈM BÁO GIÁ DỰ KIẾN CUNG CẤP CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN
Theo nội dung thông báo số /TB-TMH ngày tháng năm 2025

Tên đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

MST:.....
Địa chỉ:.....
ĐT:.....

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Bệnh viện Tai Mũi Họng Trung Ương
.....xin gửi Danh mục thuốc kèm báo giá dự kiến cung cấp cho Nhà thuốc bệnh viện như sau:

(Tên đơn vị).

Số TT	Mã thuốc mời chào giá	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Quy cách	Cơ sở sản xuất/ Nước sản xuất	Nhóm TCKT	SGPLH hoặc GPNK	Thông tin kết quả thầu tham chiếu (gửi kèm)				Đơn giá đề ngợi cung cấp
												Số QĐ/ HĐ	Đơn vị trúng thầu	Hạn hiệu lực thầu (đến ngày.../ ../...)	Đơn giá trúng thầu	

Hiệu lực của báo giá: 90 ngày

GIÁM ĐỐC (hoặc Người đại diện theo pháp
luật)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....
MST:.....
Đ/chỉ:
Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

....., ngày tháng năm 20

BẢN CAM KẾT

Sau khi nghiên cứu thông báo số /... của Bệnh viện mời tham dự xét chọn thuốc/VTYT phục vụ cho hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện, chúng tôi xin cam kết và thực hiện đầy đủ những nội dung theo yêu cầu như sau:

1. Thông tin, tài liệu tham dự xét chọn chính xác, đúng quy định của pháp luật.
2. Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ về số lượng thuốc/VTYT, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền, mỗi lô sản phẩm có kèm theo Phiếu kiểm nghiệm/Phiếu phân tích hoặc Phiếu báo lô đạt tiêu chuẩn đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng.
3. Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc Giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc tham dự thầu bị hết hạn, chúng tôi xin đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.
4. Bảo quản và phân phối thuốc đảm bảo đúng quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của Bệnh viện.

5. Về hạn sử dụng của thuốc tại thời điểm giao hàng:

Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. *Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Chủ đầu tư quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên, phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân.*

6. Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã chào thầu, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mua, hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho đơn vị, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

7. Điều chỉnh hạ giá đề đảm bảo:

- Giá bán thuốc không cao hơn giá trúng thầu của thuốc trên địa bàn; không cao hơn giá thuốc trúng thầu tại chính bệnh viện, không cao hơn giá thuốc trúng thầu tập trung quốc gia và tập trung tại địa phương.

- Không cao hơn giá bán buôn kê khai. Trường hợp không điều chỉnh giá bán thì công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm đền bù chênh lệch giá đối với lượng hàng hóa đã bán.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]